

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2018/DS-ST

Ngày: 29/5/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 677/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-DS ngày 19/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST-DS ngày 10/4/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 63/2018/QĐST-DS ngày 03/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh Hưng T (có mặt)

Địa chỉ: T, Phường X, Quận W, Tp.Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thùy Tr (vắng mặt)

Địa chỉ: C ấp T, xã Th, huyện H, Tp.Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Thanh Hưng T trình bày:

Do có quen biết với bà Lê Thị Thùy Tr cho nên vào ngày 30/6/2015, ông T có cho bà Tr vay số tiền 50.000.000đồng, thời hạn vay 03 tháng và hai bên có ký Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2015, công chứng tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa. Ông T và bà Tr có thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 1%/tháng nhưng không có ghi vào hợp đồng. Đến ngày 12/8/2015, ông T cho bà Tr vay thêm số tiền 20.000.000đồng. Ngày 15/9/2015, ông T cho bà Tr vay thêm số tiền 30.000.000đồng. Hai lần vay tiền ngày 12/8/2015 và ngày 15/9/2015, bà Tr có viết biên nhận nhận tiền vào mặt sau của Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2015. Tổng cộng ông T cho bà Tr vay 100.000.000đồng, với lãi suất vay tự thỏa thuận bằng miệng là 1%/tháng. Giữa ông T và bà Tr có thỏa thuận miệng là trong thời hạn từ 02 tuần đến 01 tháng kể từ ngày 15/9/2015, bà Tr sẽ trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho ông T. Từ khi ông T cho bà Tr vay tiền đến nay bà Tr không có trả tiền nợ gốc cũng

như tiền lãi. Số tiền ông T cho bà Tr vay là tài sản riêng của ông T và ông T cũng chỉ cho cá nhân bà Tr vay tiền. Nay ông T yêu cầu cá nhân bà Tr phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/10/2015 cho đến khi tòa án xét xử với lãi suất theo quy định pháp luật tính trên số tiền nợ gốc 100.000.000đồng. Việc trả tiền thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Tr vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thủ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát. Tuy nhiên, việc giải quyết vụ án còn chưa tuân thủ đúng thời hạn xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Trong quá trình tố tụng, do bị đơn bà Tr không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[5] Tại Tòa án, nguyên đơn ông T xuất trình Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2015 giao kết giữa ông T và bà Tr, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, số công chứng 007205, quyển số 08/2015/TP/VPCC-SCC/HĐGD (sau đây gọi là Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2015). Theo nội dung hợp đồng thì ông T cho bà Tr vay số tiền 50.000.000đồng, kỳ hạn vay là 03 tháng từ ngày ký hợp đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Ngoài ra tại mặt sau trang 3 của Hợp đồng này có ghi thêm với các nội dung gồm: “hôm nay ngày 12.8.2015, tôi Lê Thị Thùy Tr có lấy thêm của T 20.000.000” phía dưới ghi “người nhận”, có chữ ký và ghi tên Lê Thị Thùy Tr; “hôm nay ngày 15.09.2015 có lấy thêm 30.000.000” phía dưới ghi “người nhận tiền”, có chữ ký và ghi tên Lê Thị Thùy Tr (sau đây gọi là Hợp đồng ngày 12/8/2015 và Hợp đồng ngày 15/9/2015).

[6] Xét Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2015. Đây là Hợp đồng có công chứng nên căn cứ Điều 5 Luật công chứng năm 2014 và nội dung hợp đồng thì đủ cơ sở xác định việc ông T cho bà Tr vay số tiền 50.000.000đồng là có thật. Hợp đồng vay tiền có kỳ hạn 03 tháng, các bên có thỏa thuận trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, hiện ông T chỉ

yêu cầu bà Tr trả tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 15/10/2015 cho đến khi tòa án xét xử nên căn cứ quy định tại Điều 474 và Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, buộc bà Tr phải trả cho ông T tiền nợ gốc là 50.000.000đồng và trả tiền lãi từ ngày 15/10/2015 đến ngày xét xử 29/5/2018 (956 ngày) theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ. Lãi suất cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm. Tiền lãi = 50.000.000đồng x 9% : 365 ngày x 956 ngày = 11.786.300đồng (1)

[7] Xét Hợp đồng ngày 12/8/2015 và Hợp đồng ngày 15/9/2015. Hai hợp đồng này có điều khoản không rõ ràng, nội dung chỉ ghi nhận vào ngày 12/8/2015 bà Tr có lấy thêm của ông T 20.000.000đồng (Hợp đồng ngày 12/8/2015) và ngày 15/9/2015 bà Tr lấy thêm số tiền 30.000.000đồng (Hợp đồng ngày 15/9/2015). Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 404 Bộ luật dân sự 2015 thì khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì việc giải thích điều khoản đó không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chí của các bên được thể hiện trong toàn bộ quá trình trước, tại thời điểm xác lập, thực hiện hợp đồng. Xét thấy các nội dung này được lập sau thời điểm giao kết Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2015, được viết vào mặt sau trang 3 của Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2015 và có nội dung là bà Tr “lấy thêm” tiền nên căn cứ vào ý chí của các bên khi xác lập Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2015 để giải thích Hợp đồng ngày 12/8/2015 và Hợp đồng ngày 15/9/2015 đều là hợp đồng vay tiền có trả lãi, cụ thể là bà Tr có vay của ông T số tiền 20.000.000đồng vào ngày 12/8/2015 và vay số tiền 30.000.000đồng vào ngày 15/9/2015. Hai hợp đồng đều không ghi thời hạn trả tiền nên Hội đồng xét xử nhận định là hợp đồng vay tiền không kỳ hạn, các bên có thỏa thuận trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Vì ông T yêu cầu bà Tr trả tiền nợ gốc và tiền lãi trên số tiền nợ gốc từ ngày 15/10/2015 cho đến khi tòa án xét xử với lãi suất theo quy định pháp luật nên căn cứ quy định tại Điều 474 và Khoản 2 Điều 476, Khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, buộc bà Tr phải trả cho ông T tiền nợ gốc theo hai hợp đồng này là 50.000.000đồng và trả tiền lãi từ ngày 15/10/2015 đến ngày xét xử 29/5/2018 (956 ngày) theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ. Tiền lãi = 50.000.000đồng x 9% : 365 ngày x 956 ngày = 11.786.300đồng (2)

[8] Như vậy tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bà Tr phải trả cho ông T theo các hợp đồng vay tiền là:

[9] Nợ gốc + tiền lãi (1) + tiền lãi (2) = (50.000.000đồng + 50.000.000đồng) + 11.786.300đồng + 11.786.300đồng = 123.572.600đồng

[10] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 6.178.600đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471; Khoản 2 Điều 476; Khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Khoản 1 Điều 404, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 5 Luật công chứng năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Hưng T theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017.

Buộc bà Lê Thị Thùy Tr phải trả cho ông Trần Thanh Hưng T số tiền 123.572.600đồng (một trăm hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2015, công chứng tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, số công chứng 007205, quyển số 08/2015/TP/VPCC-SCC/HĐGD và theo các hợp đồng ngày 12/8/2015 và ngày 15/9/2015 được viết tay vào mặt sau trang thứ 3 của Hợp đồng vay tiền trên có nội dung gồm: “hôm nay ngày 12.8.2015, tôi Lê Thị Thùy Tr có lấy thêm của Thịnh 20.000.000” phía dưới ghi “người nhận”, có chữ ký và ghi tên Lê Thị Thùy Tr; “hôm nay ngày 15.09.2015 có lấy thêm 30.000.000” phía dưới ghi “người nhận tiền”, có chữ ký và ghi tên Lê Thị Thùy Tr.

Việc trả tiền thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trần Thanh Hưng T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Lê Thị Thùy Tr không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà Lê Thị Thùy Tr còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Thùy Tr phải chịu 6.178.600đồng (sáu triệu một trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng) án phí sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho ông Trần Thanh Hưng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.100.000đồng (ba triệu một trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2017/0017015 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam

